

Bản án số: 187/2025/DS-PT
Ngày: 15/4/2025
V/v tranh chấp về dân sự
thừa kế quyền sử dụng đất, đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước
Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Kiến
Bà Kiều Kim Xuân

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 56/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 02 năm 2025, về việc “*Tranh chấp về dân sự thừa kế quyền sử dụng đất, đòi tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 107/2024/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 111/2025/QĐXXPT – DS ngày 14/3/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 215/2025/QĐPT-DS ngày 26/3/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị D, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Số F, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị D: Ông Nguyễn Văn Đ; sinh năm 1950; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo hợp đồng ủy quyền ngày 28/8/2023.

- **Bị đơn:** Bà Huỳnh Thị Mỹ H, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thị Mỹ H: Ông Võ Quang S sinh

năm 1967; Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo hợp đồng ủy quyền ngày 12/12/2023.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị D1, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Anh Võ Văn Đ1, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Võ Văn Đ1: Ông Võ Quang S sinh năm 1967; Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo hợp đồng ủy quyền ngày 12/12/2023.

Ông Đ, ông S có mặt tại phiên tòa. Bà D1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Phạm Thị D ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Cụ Phạm Văn R (sinh năm 1920, chết năm 1998) có 02 người vợ là cụ Nguyễn Thị Á (vợ trước, sinh năm 1922, chết năm 2012), cụ Huỳnh Thị Ý (vợ sau, sinh năm 1936, chết năm 2019).

Cụ R và cụ Á chung sống với nhau trước năm 1963 có 04 người con gồm: Bà Phạm Thị K (đã chết, chết năm 2023); bà Phạm Thị R1 (đã chết, không rõ thời gian), bà Phạm Thị D1 và bà B Phạm Thị D.

Cụ R và bà Ý chung sống với nhau từ sau năm 1963 không có con chung, chỉ có nhận nuôi cháu là bà Huỳnh Thị Mỹ H.

Trong quá trình chung sống với cụ Ý, cụ R có tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất thửa số 150, tờ bản đồ số 2, diện tích 13.300m², mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước (Sau đây gọi tắt là đất trồng lúa nước), tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Cụ Ý được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận), số phát hành L438155, số vào sổ: 02604 QSDĐ/A4, cấp ngày 25/9/2001, cấp cho cụ Huỳnh Thị Ý.

Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 02 được cấp đổi thành các thửa gồm: Thửa số 154, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.595,7m², đất trồng lúa nước; thửa số 160, tờ bản đồ số 7, diện tích 5.731,1m², đất trồng lúa nước; thửa số 166, tờ bản đồ số 7, diện tích 5.285,4m², đất trồng lúa nước, cùng tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Hiện nay, các thửa đất nêu trên được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận cho hộ cụ Huỳnh Thị Ý. Sau khi cụ Ý chết thì giao lại cho bà Huỳnh Thị Mỹ H (cháu ruột của cụ Ý) trực tiếp quản lý, sử

dụng.

Vào ngày 09/05/1998, cụ Phạm Văn R có lập di chúc, được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực ngày 10/05/1999. Theo nội dung di chúc thể hiện cụ R để lại tài sản của cụ cho bà Phạm Thị D là 01 mẫu đất, tương đương 07 công tầm cắt, với diện tích là 9.100m². Tuy nhiên, từ khi cụ R lập di chúc để lại phần đất trên cho bà D thì bà Huỳnh Thị Ý quản lý và cho người khác thuê với giá 3.000.000 đồng/công/năm. Do đó, bà D yêu cầu được nhận lại số tiền cho thuê đất từ năm cụ R chết là năm 1998 đến năm bà Ý chết là năm 2019, với thời gian là 21 năm.

Ngoài ra, tại Tờ di chúc vào ngày 09/05/1998, còn thể hiện cụ Phạm Văn R để lại cho các con 20 lượng vàng 24kara vàng 10 tuổi, hiện nay do bà H quản lý. Hiện nay, bà K chết năm 2023, bà R1 chết không rõ thời gian, bà D1 từ chối nhận. Do đó, bà D yêu cầu được nhận lại 20 lượng vàng 24kara vàng 10 tuổi.

Đồng thời, trước đó vào khoảng năm 1985, sau khi bà D lập gia đình thì cụ R có hứa miệng cho bà D 09 công tầm cắt để quản lý, canh tác. Tuy nhiên, từ năm 1998 khi cụ R chết thì bà Huỳnh Thị Ý đã lấy lại đất và cho người khác thuê với giá 3.000.000 đồng/công/năm. Đối với 09 công đất này, bà Ý đã giao cho bà D 05 công vào năm 2017, bà H giao 04 công theo Bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp vào năm 2022. Do đó, bà D yêu cầu được nhận lại số tiền cho thuê đất tính từ năm cụ R chết là năm 1998 đến năm bà Ý giao đất cho bà D là năm 2017, với thời gian là 19 năm.

Nay, bà Phạm Thị D yêu cầu giải quyết cụ thể:

- Yêu cầu được hưởng di sản thừa kế theo di chúc là quyền sử dụng đất có diện tích là 9.100m², thuộc một phần các thửa gồm: Thửa số 166, tờ bản đồ số 7, diện tích 5.285,4m²; thửa số 154, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.595,7m²; thửa số 160, tờ bản đồ số 7, diện tích 5.731,1m², cùng tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Đồng thời, yêu cầu được nhận phần diện tích chênh lệch còn lại của 03 thửa đất nêu trên, với diện tích 4.512,2m². Như vậy, bà D yêu cầu hưởng toàn bộ 03 thửa đất nêu trên, với tổng diện tích 13.612,2m².

- Yêu cầu bà Huỳnh Thị Mỹ H trả cho bà D 20 lượng vàng 24kara, loại vàng 10 tuổi, yêu cầu được nhận vàng.

- Yêu cầu bà Huỳnh Thị Mỹ H trả cho bà D tiền thuê đất của 01 mẫu đất tương đương với diện tích là 9.100m² theo Tờ di chúc ngày 09/05/1998, thời gian thuê từ năm 1998 đến năm 2019 là 21 năm, với giá thuê là 3.000.000 đồng/công/năm, thành tiền: 07công x 3.000.000 đồng/công/năm x 21 năm = 441.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi một triệu đồng).

- Yêu cầu bà Huỳnh Thị Mỹ H trả cho bà D tiền thuê đất của 09 công tầm

cắt mà bà D được ông R hứa cho vào năm 1985, thời gian thuê từ năm 1998 đến năm 2017 là 19 năm, với giá thuê là 3.000.000 đồng/công/năm, thành tiền: 09 công x 3.000.000 đồng/công/năm x 19 năm = 513.000.000 đồng (Năm trăm mười ba triệu đồng).

1. Bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ H ủy quyền cho ông Võ Quang S trình bày:

Bà Huỳnh Thị Mỹ H thống nhất, cụ Phạm Văn R có 02 người vợ là cụ Nguyễn Thị Á (vợ trước) và cụ Huỳnh Thị Ý (vợ sau).

Cụ R và cụ Á chung sống với nhau trước năm 1963 có 04 người con gồm: Bà Phạm Thị K (đã chết); bà Phạm Thị R1 (đã chết), bà Phạm Thị D1 và bà B Phạm Thị D.

Cụ R và cụ Ý chung sống với nhau từ sau năm 1963 không có con chung, chỉ có con nuôi là bà Huỳnh Thị Mỹ H.

Quá trình chung sống thì cụ R và cụ Ý có tạo lập được tài sản nhưng đã phân chia thành tài sản riêng.

Đối với quyền sử dụng đất thửa số 150, tờ bản đồ số 2, diện tích 13.300m², loại đất trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp là cụ Ý nhận chuyển nhượng từ ông Trần Văn Đ2 vào năm 2001. Cụ Ý được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận, số phát hành L438155, số vào sổ: 02604 QSDĐ/A4, cấp ngày 25/9/2001, cấp cho cụ Huỳnh Thị Ý.

Sau đó, cụ Ý đăng ký cấp đổi từ thửa đất số 150, tờ bản đồ số 02 được cấp đổi thành các thửa gồm: Thửa số 154, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.595,7m²; thửa số 160, tờ bản đồ số 7, diện tích 5.731,1m²; thửa số 166, tờ bản đồ số 7, diện tích 5.285,4m², cùng tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Hiện nay, các thửa đất nêu trên được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp đổi các Giấy chứng nhận số vào sổ: CS06979; số vào sổ: CS06980 và số vào sổ: CS06981, cấp ngày 09/10/2018, cấp cho hộ cụ Huỳnh Thị Ý. Thời điểm cấp đổi giấy chứng nhận thì hộ cụ Ý chỉ có một mình cụ Ý. Sau khi cụ Ý chết thì giao lại cho bà Huỳnh Thị Mỹ H và Võ Văn Đ1 trực tiếp quản lý, sử dụng.

Ngoài ra, hiện nay bà H không có giữ bất kỳ tài sản gì của cụ R chết để lại, kể cả 20 lượng vàng theo lời trình bày của bà D.

Nay, bà Huỳnh Thị Mỹ H không đồng ý theo toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn Đ1 ủy quyền cho ông Võ Quang S trình bày: Anh Đ1 không đồng ý theo toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị D1 không có Văn

bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 107/2024/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình đã xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D.

- Về việc yêu cầu được hưởng di sản thừa kế theo di chúc là quyền sử dụng đất gồm các thửa: Thửa số 166, tờ bản đồ số 7, diện tích 5.285,4m²; thửa số 154, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.595,7m² và thửa số 160, tờ bản đồ số 7, diện tích 5.731,1m², cùng tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị Mỹ H trả cho bà D 20 lượng vàng 24kara, loại vàng 10 tuổi, yêu cầu nhận vàng.

- Về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị Mỹ H trả cho bà D tiền thuê đất từ 01 mẫu tương đương diện tích 9.100m² theo Tờ di chúc ngày 09/05/1998, thời gian thuê từ năm 1998 đến năm 2019 là 21 năm, với giá thuê là 3.000.000 đồng/công/năm, thành tiền: 07 công x 3.000.000 đồng/công/năm x 21 năm = 441.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi một triệu đồng).

- Về việc yêu cầu trả lại bà Huỳnh Thị Mỹ H trả cho bà D tiền thuê đất của 09 công tầm cắt mà bà D được ông R hứa cho vào năm 1985, thời gian thuê từ năm 1998 đến năm 2017 là 19 năm, với giá thuê là 3.000.000 đồng/công/năm, thành tiền: 09 x 3.000.000 đồng/công/năm x 19 năm = 513.000.000 đồng (Năm trăm mười ba triệu đồng).

Về án phí: Bà Phạm Thị D được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Bà Phạm Thị D phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng gồm: Chi phí thẩm định và định giá là 1.000.000 đồng, chi phí Hợp đồng đo đạc là 12.839.000 đồng, tổng cộng là 13.839.000 đồng (Mười ba triệu tám trăm ba mươi chín nghìn đồng) bà D nộp tạm ứng và chi xong.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/9/2024 bà Phạm Thị D là nguyên đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm số: 107/2024/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024 theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D.

- Về việc yêu cầu được hưởng di sản thừa kế theo di chúc là quyền sử dụng đất gồm các thửa: Thửa số 166, tờ bản đồ số 7, diện tích 5.285,4m²; thửa số 154, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.595,7m² và thửa số 160, tờ bản đồ số 7, diện tích 5.731,1m², cùng tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị Mỹ H trả cho bà D 20 lượng vàng 24kara, loại vàng 10 tuổi, yêu cầu nhận vàng.

- Về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị Mỹ H trả cho bà D tiền thuê đất từ 01 mẫu tương đương diện tích 9.100m² theo Tờ di chúc ngày 09/05/1998, thời gian thuê từ năm 1998 đến năm 2019 là 21 năm, với giá thuê là 3.000.000 đồng/công/năm, thành tiền: 07 công x 3.000.000 đồng/công/năm x 21 năm = 441.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi một triệu đồng).

- Về việc yêu cầu trả lại bà Huỳnh Thị Mỹ H trả cho bà D tiền thuê đất của 09 công tằm cắt mà bà D được ông R hứa cho vào năm 1985, thời gian thuê từ năm 1998 đến năm 2017 là 19 năm, với giá thuê là 3.000.000 đồng/công/năm, thành tiền: 09 x 3.000.000 đồng/công/năm x 19 năm = 513.000.000 đồng (Năm trăm mười ba triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông Võ Quang S là người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị Mỹ H, anh Võ Văn Đ1 không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bà D.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật từ khi thụ lý giải quyết vụ việc để xét xử phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự xét xử phúc thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Xét kháng cáo của bà Phạm Thị D. Bà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm 107/2024/DS-ST, ngày 13/9/2024 của Tòa án huyện Thanh Bình

theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, cụ thể: Yêu cầu được chia thừa kế QSDĐ đối với thửa 166, 154, 160; Yêu cầu bà Huỳnh Thị Mỹ H trả lại cho bà 20 chỉ vàng 24k; Yêu cầu bà Huỳnh Thị Mỹ H trả lại cho bà 441.000.000đ tiền cho thuê đất diện tích 9.100m² từ năm 1998 đến 2019; Yêu cầu bà Huỳnh Thị Mỹ H trả lại cho bà 513.000.000đ tiền cho thuê đất diện tích 09 công tâm cát từ năm 1998 đến 2017. Nhận thấy;

Về thủ tục tố tụng:

Bản án Dân sự sơ thẩm số 89/2021/DS-ST ngày 30/12/2021 của Tòa án huyện Thanh Bình giải quyết giữa nguyên đơn: Phạm Thị K, Phạm Thị D, bị đơn: Huỳnh Thị Mỹ H. Bà K, bà D yêu cầu tuyên bố di chúc của cụ R ngày 09/5/1998 vô hiệu để yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với QSDĐ của cụ R để lại.

Bản án sơ thẩm số 107/2024/DS-ST, ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình giải quyết giữa nguyên đơn: Phạm Thị D, bị đơn: Huỳnh Thị Mỹ H. Bà D yêu cầu công nhận di chúc của cụ R ngày 09/5/1998 và đòi lại tiền cho thuê đất mà bà thừa kế của cụ R.

Mặc dù hai bản án nêu trên đều giải quyết từ di chúc của cụ R. Tuy nhiên, lần tranh chấp trước bà D cùng bà K yêu cầu di chúc của cụ R vô hiệu để chia thừa kế nhưng Tòa công nhận di chúc, lần kiện sau bà D đã đồng tình với di chúc nên bà tiếp tục yêu cầu được hưởng tài sản từ di chúc và phát sinh thêm 02 mối quan hệ tranh chấp là đòi lại tài sản (20 lượng vàng) và tiền cho thuê đất từ tài sản di chúc mà bà được hưởng. Do đó, việc Tòa án huyện Thanh Bình tiếp tục thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà D là phát sinh mới, đúng quy định tại Điều 35 BLTTDS nên không vi phạm điểm c khoản 1 Điều 192 và điểm g khoản 1 Điều 2017 BLTTDS.

Về nội dung:

Tờ di chúc cụ R viết ngày 09/5/1998 thể hiện: *...về nhà cửa đất cát khi tôi chết rồi thì Huỳnh Thị Ý ở với thằng cháu là Võ Thanh Đ3 tôi nuôi từ 9 tháng đến nay là 11 tuổi, nếu nó nuôi ngoại nó thì tài sản này cho tên Đ3 giỗ lễ cho tôi và ngoại nó, còn phần đất khi tôi chết rồi thì Thị Ý cho Thị D 1 mẫu, còn lại bao nhiêu thì thị Ý dưỡng già....*

Như vậy, theo nội dung di chúc thì cụ R chỉ cho bà D 1 mẫu đất. Đến năm 2017 cụ Ý (vợ cụ R) đã chia cho bà D 5 công, đến năm 2022 Tòa án giải quyết tranh chấp giữa bà K, bà D với bà H thì bà H tự nguyện thống nhất giao thêm cho bà D diện tích 4.627,1m². Như vậy, bà D đã nhận hơn 1 mẫu đất như tờ di chúc của cụ R để lại. Ngoài ra, tờ di chúc của cụ R không còn để lại tài sản nào

khác cho bà D. Do đó, việc bà D cho rằng cụ R để lại cho bà D 20 lượng vàng, hiện do bà H quản lý nhưng bà H không thừa nhận và bà D cũng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh.

Đối với tiền cho thuê đất 954.000.000đ mà bà D yêu cầu. Từ khi cụ R chết bà biết có di chúc nhưng từ trước cho đến khi tranh chấp bà không yêu cầu phía bà H giao đất theo di chúc, đến lần kiện trước đây năm 2021 bà còn yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu, điều đó cho thấy bà không mong muốn chia theo di chúc và bà cũng không yêu cầu bà H giao đất. Tại Bản án phúc thẩm năm 2022, bà D cũng không đề cập đến tiền cho thuê đất; bà D và bà H đã thỏa thuận về việc giải quyết vụ án, cũng như yêu cầu khởi kiện của bà D, bà H đã giao cho bà D thửa đất 129 có diện tích 4.627,1m². Hơn nữa, các thửa đất mà bà D yêu cầu chia thừa kế là tài sản của cụ Ý nhận chuyển nhượng của người khác sau khi cụ R chết (cụ R chết năm 1998, cụ Ý nhận chuyển nhượng đất năm 2001). Do đó, các thửa đất 166, 154, 160 không phải là di sản thừa kế của cụ R nên việc bà D yêu cầu bà H trả tiền cho thuê đất từ tài sản thừa kế là chưa phù hợp.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật TTDS đề nghị Hội đồng xét xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bà bà Phạm Thị D.
- Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 107/2024/DS-ST, ngày 13/9/2024 của Tòa án huyện Thanh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và lời phát biểu của kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Phạm Thị D là nguyên đơn kháng cáo trong hạn luật định. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng với Điều 273, 293 Bộ luật tố dân sự năm 2015.

[2]. Bà Phạm Thị D yêu cầu sửa bản án sơ thẩm số: 107/2024/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024 theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D.

- Về việc yêu cầu được hưởng di sản thừa kế theo di chúc là quyền sử dụng đất gồm các thửa: Thửa số 166, tờ bản đồ số 7, diện tích 5.285,4m²; thửa

số 154, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.595,7m² và thửa số 160, tờ bản đồ số 7, diện tích 5.731,1m², cùng tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị Mỹ H trả cho bà D 20 lượng vàng 24kara, loại vàng 10 tuổi, yêu cầu nhận vàng.

- Về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị Mỹ H trả cho bà D tiền thuê đất từ 01 mẫu tương đương diện tích 9.100m² theo Tờ di chúc ngày 09/05/1998, thời gian thuê từ năm 1998 đến năm 2019 là 21 năm, với giá thuê là 3.000.000 đồng/công/năm, thành tiền: 07 công x 3.000.000 đồng/công/năm x 21 năm = 441.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi một triệu đồng).

- Về việc yêu cầu trả lại bà Huỳnh Thị Mỹ H trả cho bà D tiền thuê đất của 09 công tầm cắt mà bà D được ông R hứa cho vào năm 1985, thời gian thuê từ năm 1998 đến năm 2017 là 19 năm, với giá thuê là 3.000.000 đồng/công/năm, thành tiền: 09 x 3.000.000 đồng/công/năm x 19 năm = 513.000.000 đồng (Năm trăm mười ba triệu đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại giai đoạn sơ thẩm và phúc thẩm bà Phạm Thị D không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Bởi lẽ, theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện cụ Ý nhận chuyển nhượng từ ông Đ2 vào năm 2001, là sau khi cụ R chết. Bà D cho rằng cụ R để lại di sản là các thửa đất nêu trên. Tuy nhiên, bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh các thửa đất nêu trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cụ R. Do đó, xác định các thửa đất nêu trên không phải là di sản của cụ R. Do các thửa đất nêu trên không phải di sản của cụ R nên việc bà D yêu cầu chia thừa kế các thửa đất nêu trên là không có căn cứ. Bà D xác định cụ R để di sản là 20 lượng vàng 24kara. Tuy nhiên, bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cụ R có để lại tài sản là 20 lượng vàng và bà cũng không chứng minh được hiện nay ai là người quản lý 20 lượng vàng nêu trên nên không có căn cứ chấp nhận.

Bà D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cụ R có để lại di sản là quyền sử dụng đất và bà cũng không chứng minh được cụ Ý là người trực tiếp quản lý, sử dụng 01 mẫu đất đó. Vì vậy, yêu cầu của bà cũng không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu bà Huỳnh Thị Mỹ H trả cho bà D tiền thuê đất của 09 công tầm cắt mà bà D được ông R hứa cho vào năm 1985, thời gian thuê từ năm

1998 đến năm 2017 là 19 năm, với giá thuê là 3.000.000 đồng/công/năm, thành tiền: 09 công x 3.000.000 đồng/công/năm x 19 năm = 513.000.000 đồng.

Bà D không cung cấp được chứng cứ, chứng minh vào năm 1985 cụ R có hứa cho bà D 09 công đất và bà cũng không chứng minh được cụ Ý là người trực tiếp quản lý, sử dụng 09 công đất đó. Vì vậy, yêu cầu của bà là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những nhận định trên xét yêu cầu kháng cáo bà Phạm Thị D là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[3]. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bản án dân sự sơ thẩm số 107/2024/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp đã xử có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên giữ nguyên.

[4]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử Không chấp nhận yêu cầu kháng của bà Phạm Thị D; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 107/2024/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên chấp nhận như nhận định nêu trên.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị D không được chấp nhận nên bà D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên bà D là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

[6]. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm số 107/2024/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị D.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 107/2024/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D.

- Về việc yêu cầu được hưởng di sản thừa kế theo di chúc là quyền sử dụng đất gồm các thửa: Thửa số 166, tờ bản đồ số 7, diện tích 5.285,4m²; thửa số 154, tờ bản đồ số 7, diện tích 2.595,7m² và thửa số 160, tờ bản đồ số 7, diện tích 5.731,1m², cùng tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị Mỹ H trả cho bà D 20 lượng vàng 24kara, loại vàng 10 tuổi, yêu cầu nhận vàng.

- Về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị Mỹ H trả cho bà D tiền thuê đất từ 01 mẫu tương đương diện tích 9.100m² theo Tờ di chúc ngày 09/05/1998, thời gian thuê từ năm 1998 đến năm 2019 là 21 năm, với giá thuê là 3.000.000 đồng/công/năm, thành tiền: 07 công x 3.000.000 đồng/công/năm x 21 năm = 441.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi một triệu đồng).

- Về việc yêu cầu trả lại bà Huỳnh Thị Mỹ H trả cho bà D tiền thuê đất của 09 công tằm cắt mà bà D được ông R hứa cho vào năm 1985, thời gian thuê từ năm 1998 đến năm 2017 là 19 năm, với giá thuê là 3.000.000 đồng/công/năm, thành tiền: 09 x 3.000.000 đồng/công/năm x 19 năm = 513.000.000 đồng (Năm trăm mười ba triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị D được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Phạm Thị D phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng gồm: Chi phí thẩm định và định giá là 1.000.000 đồng, chi phí Hợp đồng đo đạc là 12.839.000 đồng, tổng cộng là 13.839.000 đồng (Mười ba triệu tám trăm ba mươi chín nghìn đồng) bà D nộp tạm ứng và chi xong.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị D được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm

2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

7. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm số 107/2024/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng TT-KT và THA TAT;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Thanh Bình;
- Chi Cục THADS huyện Thanh Bình;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Trang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên đóng dấu

Lê Hồng Nước